

ĐIỀU LỆ
HỘI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ - BNV ngày tháng năm
2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Khí tượng Thủy văn
2. Tên tiếng anh: Viet Nam Association of Meteorology and Hydrology
3. Tên viết tắt tiếng anh: VNAMH
4. Biểu tượng: Hội Khí tượng Thủy văn có biểu tượng riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Khí tượng Thủy văn là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của cá nhân và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khí tượng thủy văn của Việt Nam, tự nguyện thành lập nhằm mục đích tập hợp những tổ chức và cá nhân quan tâm, hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan đến công tác khí tượng thủy văn (nghiên cứu khoa học về khí tượng thủy văn; quan trắc, điều tra khảo sát, thông tin dữ liệu, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; kinh doanh, dịch vụ về khí tượng thủy văn,...) tự nguyện tham gia Hội nhằm:

- Nêu cao nhiệt tình và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp;
- Trao đổi thông tin và kinh nghiệm, trau dồi nghề nghiệp;
- Tư vấn chuyên ngành và thẩm định xã hội;
- Mở rộng hợp tác khoa học và công nghệ, liên kết đầu tư vì sự nghiệp phát triển, nâng cao hiệu quả công tác khí tượng thủy văn tại Việt Nam.

Điều 3. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội Khí tượng Thủy văn có phạm vi hoạt động trên cả nước, hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan đến công tác khí tượng thủy văn (nghiên cứu khoa học về khí tượng thủy văn; quan trắc, điều tra khảo sát, thông tin dữ liệu, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; kinh doanh, dịch vụ về khí tượng thủy văn,...).

2. Hội Khí tượng Thủy văn chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan đến phạm vi, lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội Khí tượng Thủy văn có tư cách pháp nhân, có biểu tượng (logo), con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Nội vụ phê duyệt.

2. Trụ sở chính của Hội đặt tại: số 8 phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

3. Tùy theo nhu cầu hoạt động, Hội được thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc, các chi hội, các câu lạc bộ không có tư cách pháp nhân ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
2. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.
3. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ tư vấn và đào tạo về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động

dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

6. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

7. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

8. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

9. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

10. Xuất bản sách, báo, tạp chí, tập san, bản tin, ấn phẩm có liên quan đến hoạt động của Hội, phục vụ hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Xúc tiến quan hệ hợp tác quốc tế, tổ chức các diễn đàn, đối thoại, quảng bá hình ảnh, trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm về những lĩnh vực có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Xúc tiến hoạt động xây dựng Hội, quảng bá hình ảnh của Hội, phát triển hội viên và tạo nguồn thu cho hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Hòa giải, bảo đảm sự đoàn kết trong Hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

7. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động của Hội.

8. Khi tổ chức Đại hội, thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch; thay đổi trụ sở; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; lập các pháp nhân thuộc Hội phải theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ và cơ quan nhà nước về ngành, lĩnh vực mà Hội hoạt động chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

11. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và văn phòng đại diện, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội.

12. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

Hội viên của Hội gồm: hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự.

1. Hội viên chính thức và tiêu chuẩn của Hội viên chính thức gồm: Hội viên cá nhân và hội viên tổ chức.

a. Hội viên cá nhân: công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, tài nguyên môi trường, quản lý nhà nước tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện gia nhập Hội, có đủ tiêu chuẩn hội viên theo quy định của Điều lệ Hội có thể trở thành là hội viên chính thức của Hội.

b. Hội viên tổ chức: các công ty, các hội ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội có thể trở thành là hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên liên kết:

a. Công dân, tổ chức Việt Nam nếu không đủ điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành Hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện gia nhập Hội thì được Hội xem xét, công nhận là Hội viên liên kết.

b. Các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) hoạt động tại Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực khí tượng thủy văn, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội thì được Hội xem xét, công nhận là Hội viên liên kết trong trường hợp không muốn trở thành Hội viên chính thức.

3. Hội viên danh dự: những công dân Việt Nam là chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học, nhà nghiên cứu có tâm huyết, uy tín cao trong xã hội, có nhiều công lao đóng góp cho hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ Hội thì được lãnh đạo Hội mời tham gia Hội là hội viên danh dự của Hội và không phải đóng phí Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội và quy định của pháp luật.

7. Được Hội đề cử tham gia các hoạt động do Nhà nước tổ chức (nếu được mời)

8. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

9. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

10. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

6. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

7. Trả lại Hội thẻ hội viên, giấy chứng nhận hội viên (nếu có) khi không còn là hội viên.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên

1. Điều kiện gia nhập Hội: tổ chức, công dân Việt Nam đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này muốn gia nhập Hội nộp hồ sơ gia nhập Hội tại Văn phòng Hội, gồm:

- Đơn đăng ký tham gia Hội (theo mẫu);
- Bản photo CMND và bằng cấp (nếu có);
- Đối với hội viên tổ chức: có quyết định cử người đại diện tham gia Hội, bản photo CMND và bằng cấp của người đại diện;
- Bản sao quyết định thành lập, giấy phép kinh doanh (đối với tổ chức).

2. Theo Nghị quyết của Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội ra quyết định công nhận hội viên mới; Ban Thường vụ Hội tổ chức kết nạp hội viên mới kể từ ngày Hội có quyết định công nhận hội viên, hội viên được hưởng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của hội viên theo quy định tại Điều lệ này.

3. Ban Thường vụ xem xét hồ sơ xin gia nhập Hội và ra quyết định công nhận Hội viên trong vòng 15 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân đóng lệ phí, hội phí và nộp đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời gian 20 ngày làm việc sau khi kết nạp hội viên, Văn phòng Hội thông báo danh sách hội viên mới cho tất cả các hội viên trong Hội.

Điều 12. Chấm dứt tư cách hội viên

1. Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định khai trừ hội viên ra khỏi Hội trong các trường hợp sau:

a. Vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm Điều lệ và các quy định của Hội, làm tổn hại đến quyền lợi, uy tín, đoàn kết của Hội.

b. Đối với hội viên cá nhân: mất năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân, mất tích hoặc chết.

c. Đối với tổ chức: mất tư cách pháp nhân.

d. Không tham gia hoạt động của Hội theo nghĩa vụ của hội viên đã quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.

đ. Không đóng hội phí từ 06 tháng trở lên, trừ trường hợp có lý do được Ban Thường vụ chấp thuận.

2. Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Hội làm đơn gửi Ban Thường vụ Hội. Quyền và nghĩa vụ của hội viên sẽ chấm dứt sau khi Ban Thường vụ Hội thông báo chấp thuận việc hội viên ra khỏi Hội.

Ban Thường vụ Hội xem xét, phê chuẩn trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn của Hội viên.

3. Tất cả các hội viên (chính thức, liên kết, danh dự) khi bị tước quyền công dân theo quy định của pháp luật thì đương nhiên bị xóa tên trong danh sách hội viên của Hội.

4. Theo Nghị quyết của Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội ra quyết định chấm dứt tư cách hội viên. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội viên chấm dứt kể từ khi có quyết định. Trong thời gian 20 ngày làm việc sau khi có quyết định chấm dứt tư cách hội viên, Ban Thường vụ (hoặc Văn phòng) có trách nhiệm thông báo đến Ban Chấp hành, hội viên Hội.

Chương IV **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội toàn thể, Hội nghị toàn thể hội viên.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng Hội.

6. Các tổ chức trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 14. Đại hội và Hội nghị toàn thể

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hiệp hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Hội nghị toàn thể được tổ chức mỗi năm 1 (một) lần vào những năm không có Đại hội.

4. Nhiệm vụ của Đại hội:

a. Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b. Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c. Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hội;

d. Quyết định số lượng thành viên, bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ. Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của Hội vượt quá thẩm quyền quyết định của Ban Chấp hành Hội.

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

5. Nhiệm vụ của Hội nghị toàn thể hàng năm:

a. Thảo luận báo cáo tổng kết năm cũ và kế hoạch công tác năm mới của Hội;

b. Thảo luận và phê duyệt: Quyết toán năm cũ và kế hoạch tài chính năm mới của Hội;

c. Thảo luận và biểu quyết các vấn đề do Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra hoặc hội viên đề xuất;

d. Bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành và ủy viên Ban Kiểm tra trong trường hợp các ủy viên này bị khuyết.

6. Thư mời Đại hội hoặc Hội nghị toàn thể phải nêu rõ chương trình nghị sự và được gửi đến tất cả các hội viên ít nhất 2 (hai) tuần trước ngày họp.

Điều 15. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội và Hội nghị toàn thể:

1. Đại hội và Hội nghị toàn thể có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội và Hội nghị toàn thể quyết định;

2. Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội và Hội nghị toàn thể phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội và Hội nghị toàn thể tán thành. Riêng việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc giải thể Hội phải được sự nhất trí của ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội và Hội nghị toàn thể biểu quyết tán thành.

3. Quyết định hợp lệ của Đại hội có hiệu lực thi hành đối với mọi hội viên kể cả hội viên vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 16. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

Ban Chấp hành được bầu bằng cách bỏ phiếu kín. Danh sách các ủy viên đề cử và ứng cử phải được Đại hội thông qua. Trường hợp 2 (hai) ứng cử viên có số phiếu bầu quá bán ngang nhau thì ứng cử viên nào công tác trong ngành lâu hơn sẽ đắc cử.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a. Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Hội nghị toàn thể, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b. Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội, Hội nghị toàn thể;

c. Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội, hoặc giữa các kỳ họp của Ban Chấp hành;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ. Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng, Phó trưởng Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

- e. Quyết định các vấn đề về khen thưởng, kỷ luật của Hội.
- g. Chuẩn bị nội dung, chương trình nghị sự và các tài liệu trình cho Đại hội (kể cả Đại hội bất thường) và Hội nghị toàn thể hàng năm;
- h. Quyết định kết nạp, khai trừ hội viên;
- i. Quyết định triệu tập Đại hội hoặc Hội nghị toàn thể;
- k. Mời một số chuyên gia có uy tín làm hội viên danh dự của Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a. Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b. Ban Chấp hành mỗi năm họp ít nhất 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành yêu cầu;

c. Các cuộc họp của Ban Chấp hành họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d. Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 17. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a. Thay mặt Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành; báo cáo kiểm điểm công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành;

b. Chuẩn bị các nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c. Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

- d. Quyết định kết nạp, khai trừ hội viên ra khỏi Hội.
3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ
 - a. Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành thông qua và Chủ tịch Hội ký ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;
 - b. Ban Thường vụ mỗi năm họp ít nhất 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;
 - c. Các cuộc họp của Ban Thường vụ họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;
 - d. Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 18. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên gửi đến Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

c) Yêu cầu Ban Chấp hành tổ chức phiên họp bất thường hoặc tổ chức hội nghị toàn thể bất thường khi có vấn đề cấp thiết liên quan đến Hiệp hội;

d) Trưởng ban Kiểm tra được dự các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Kiểm tra ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 19. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp

hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và toàn thể hội viên về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội và Hội nghị toàn thể; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c. Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d. Chủ tịch Hội được phân công và ủy quyền cho các Phó Chủ tịch phụ trách từng lĩnh vực hoạt động của Hội. Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội;

đ. Chủ tài khoản của Hội;

e. Ký quyết định bổ nhiệm, bãi miễn Tổng thư ký và các chức danh lãnh đạo các tổ chức và cơ quan trực thuộc của Hội;

g. Phê duyệt nhân sự Văn phòng Hội và các tổ chức khác do Hiệp hội thành lập theo đề nghị của Tổng Thư ký;

h. Thành lập các ban chuyên môn để tư vấn về các vấn đề cụ thể;

i. Thay mặt Ban Chấp hành ký các văn bản của Hiệp hội;

k. Chủ trì cuộc họp đầu tiên của Ban Chấp hành nhiệm kỳ kế tiếp cho đến khi bầu được Chủ tịch mới.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 20. Tổng Thư ký và Văn phòng Hội

1. Tổng Thư ký Hội là người điều hành trực tiếp mọi hoạt động của Văn phòng Hội. Tổng Thư ký Hội có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a. Là người phát ngôn chính thức của Hội;
- b. Quản lý giấy tờ, tài liệu giao dịch của Hội;
- c. Thay mặt Chủ tịch Hội giải quyết các công việc khi được ủy quyền;
- d. Được ủy quyền chủ tài khoản, quản lý tài chính và tài sản của Hội;
- đ. Tổ chức, xây dựng các quy chế hoạt động của Văn phòng Hội, bao gồm cả quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội để trình Ban Chấp hành phê duyệt;
- e. Định kỳ báo cáo Ban Chấp hành về các hoạt động của Hội; chuẩn bị và dự thảo báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;
- g. Được dự các kỳ họp của Ban Chấp hành;
- h. Tổ chức, điều hành Văn phòng Hội; chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Hội và trước pháp luật về hoạt động của Văn phòng Hội.
- i. Quản lý danh sách, hồ sơ và tài liệu về các hội viên và các tổ chức trực thuộc.

2. Giúp việc Tổng Thư ký có các Phó Tổng Thư ký do Chủ tịch Hội bổ nhiệm.

3. Văn phòng Hội do Ban Thường vụ Hội quyết định thành lập. Văn phòng Hội có nhiệm vụ thực hiện các công việc hành chính; quản lý tài sản, tài chính của Hội; tổ chức và hoạt động theo quy chế do Tổng Thư ký trình Ban Chấp hành phê duyệt.

Văn phòng Hội có trách nhiệm lập và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về tổ chức, hoạt động và tài chính của Hội; quản lý danh sách, hồ sơ, tài liệu của các hội viên và các tổ chức trực thuộc do Hội thành lập; quản lý giấy tờ, tài liệu giao dịch hàng ngày của Hội.

4. Hội được đặt Văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật để triển khai nhiệm vụ của Hội. Chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của Văn phòng đại diện do Ban Thường vụ Hội ban hành theo quy định của Điều lệ Hội và theo quy định của pháp luật.

Kinh phí cho hoạt động hàng năm của Văn phòng do Tổng Thư ký dự trù trình Ban Chấp hành duyệt và Hội nghị toàn thể hàng năm biểu quyết phê chuẩn.

Điều 21. Chi hội, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc Hội

1. Chi hội là tổ chức cơ sở của Hội Khí tượng Thủy văn do Ban Thường vụ Hội quyết định thành lập. Chi hội được thành lập trên cơ sở có từ 30 hội viên chính thức trở lên, mỗi chi hội được bầu Ban Chấp hành Chi hội (Chi hội trưởng, Chi hội phó và một số ủy viên). Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Chi hội từ 03 người trở lên. Chi hội có trách nhiệm:

a. Quản lý hội viên theo Điều lệ của Hội và các quy định của pháp luật, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chương trình công tác của Hội;

b. Tập hợp, phản ánh các nguyện vọng, kiến nghị của hội viên với lãnh đạo Hội;

c. Tổ chức các buổi sinh hoạt, học tập, tham quan, tập huấn cho các hội viên theo quy định của Điều lệ Hội và theo quy định của pháp luật;

d. Tuyên truyền, phát triển hội viên mới và mở rộng uy tín của Hội;

e. Thực hiện Quy chế về tổ chức và hoạt động của Chi hội do Ban Thường vụ Hội quy định.

2. Các ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc Hội có nhiệm vụ đề xuất tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về hoạt động thuộc lĩnh vực mình phụ trách, có giải pháp hoạt động linh hoạt, năng động theo Quy chế do Ban Thường vụ Hội quy định. Các ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc Hội do Ban Thường vụ quyết định thành lập theo quy định của Điều lệ Hội và theo quy định của pháp luật.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 22. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội do Đại hội quyết định và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn.

2. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 23. Giải thể Hội

1. Hội tự giải thể trong các trường hợp sau:

a. Hết thời hạn hoạt động;

- b. Theo đề nghị của trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số hội viên chính thức;
- c. Mục đích hoạt động đã hoàn thành.

2. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội trong các trường hợp sau:

- a. Hội không hoạt động liên tục 12 tháng;
- b. Khi có nghị quyết của Đại hội về việc Hội tự giải thể mà Ban Chấp hành Hội không chấp hành;
- c. Hoạt động của Hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Điều 24. Giải quyết tài sản, tài chính

1. Hội tự giải thể, bị giải thể thì tài sản của Hội được giải quyết như sau:

- a. Tài sản, tài chính do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ; tài sản, tài chính do Nhà nước hỗ trợ mà Hội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài sản và thanh toán các khoản nợ thì số tài sản, số dư tài chính còn lại do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;

- b. Đối với nguồn tài sản, tài chính tự có của Hội mà Hội đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản và thanh toán các khoản nợ sau khi Hội giải thể thì số tài sản, số dư tài chính còn lại do Hội quyết định theo quy định của Điều lệ Hội.

2. Khi Hội được hợp nhất thành hội mới hoặc sáp nhập vào hội khác để thành hội mới thì mọi tài sản, tài chính của Hội, mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Hội được bàn giao cho hội mới.

Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 25. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a. Các khoản thu của Hội gồm có:

- Lệ phí gia nhập và hội phí thường niên do hội viên đóng góp theo quy định;
- Thu từ các hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b. Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Cho công tác hành chính, Văn phòng, mua sắm tài sản, bảo dưỡng thiết bị Văn phòng và phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội và theo quy định của pháp luật;
- Chi cho hoạt động thông tin, tuyên truyền, báo chí, xuất bản;
- Chi cho các hoạt động quan hệ quốc tế;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành Hội và quy định của pháp luật.

2. Tài sản của Hội

Tài sản của Hội bao gồm trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành, căn cứ vào tình hình tài chính hàng năm của Hội, đề xuất mức hội phí thường niên và thông qua hội nghị toàn thể.

4. Ban Chấp hành thông qua quy chế về quản lý và tài sản của Hội, phù hợp với pháp luật của nhà nước và Điều lệ Hội.

5. Tài chính Hội được Ban Kiểm tra kiểm tra, tổ chức kiểm toán và báo cáo công khai hàng năm cho hội viên.

Điều 26. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 27. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 28. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Hội vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức từ khiển trách, cảnh cáo, cách chức đến khai trừ khỏi Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải chịu trách nhiệm bồi thường hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét, xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Khí tượng Thủy văn mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được quá 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Khí tượng Thủy văn gồm 8 (tám) Chương, 30 (ba mươi) Điều đã được Đại hội thành lập Hội Khí tượng Thủy văn thông qua ngày..... tháng năm tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Khí tượng Thủy văn có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này.

**TM. BAN VẬN ĐỘNG
TRƯỞNG BAN**

GS. TS Trần Thục